TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1416/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 8 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 N 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3240/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 N 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh N 1963
Địa chỉ: 12849 Palm Dr, Largo, Florida 33774, Hoa Kỳ.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Bà Võ Nguyễn Trúc V, sinh N 1992; địa chỉ: phường H, Quận K, Thành phố H(theo Hợp đồng ủy quyền số 001168, quyển số 02/2023/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2023 tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh N 1960
Địa chỉ: phường H, Quận K, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 05/7/2023 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu-XTơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 015/Q3/HPH/2023 ngày 05/7/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày như sau:

Bà và ông Võ Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ N 1991, do hoàn cảnh nên hai bên chưa đăng ký kết hôn, đến N 2010, bà và ông N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 038, quyển số KH/N10 ngày 28/6/2010.

Thời gian đầu chung sống hai bên sống hạnh phúc bình thường, được khoảng 01 (một) N thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Đến N 2001 bà và ông N không chung sống với nhau một thời gian dài, nhưng đến

N 2009 ông N qua lại chăm sóc bệnh cho bà nên cả hai đã quay lại và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, được một thời gian chung sống thì hai bên lại xảy ra mâu thuẫn bà đã sang Hoa Kỳ sinh sống. trên thực tế bà và ông N đã sống ly thân từ N 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến đời sống của ai. Hiện nay bà đang sinh sống tại Hoa Kỳ, ông X đang sinh sống tại Việt Nam nên việc đoàn tụ là không thực hiện được nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Võ Nguyễn Trúc V (nữ) sinh ngày 16/10/1992 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh X tự nguyện chung sống với nhau từ N 1991, do hoàn cảnh nên hai bên chưa đăng ký kết hôn, đến N 2010, bà và ông N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 038, quyển số KH/N10 ngày 28/6/2010.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh X. Hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh X đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh X.

Về con chung: Ông và bà X có 01 con chung tên Võ Nguyễn Trúc V (nữ) sinh ngày 16/10/1992 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X, bị đơn ông Võ Văn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X đang cư trú tại Hoa Kỳ có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Võ Văn N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình N 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X, bị đơn ông Võ Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X, bị đơn ông Võ Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ N 1991, do hoàn cảnh nên hai bên chưa đăng ký kết hôn, đến N 2010, bà và ông N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 038, quyển số KH/N10 ngày 28/6/2010, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Võ Văn N trình bày: Thời gian đầu chung sống hai bên sống hạnh phúc bình thường, được khoảng 01 (một) N thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Đến N 2001 hai bên không chung sống với nhau một thời gian dài, nhưng đến N 2009 ông N qua lại chăm sóc bệnh cho bà X nên cả hai đã quay lại và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, được một thời gian chung sống thì hai bên lại xảy ra mâu thuẫn bà X đã sang Hoa Kỳ sinh sống. trên thực tế bà X và ông N đã sống ly thân từ N 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến đời sống của ai. Bà Nguyễn Thị Thanh X nhận thấy không còn tình cảm với ông Võ Văn N, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Võ Văn N có bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Thanh X đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Thanh X xin ly hôn và ông Võ Văn N đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Võ Văn N cùng xác định có 01 con chung Võ Nguyễn Trúc V (nữ) sinh ngày 16/10/1992 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Võ Văn N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung N 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Võ Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Có 01 con chung Võ Nguyễn Trúc V (nữ) sinh ngày 16/10/1992 hiện đã trưởng thành

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004624 ngày 16/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Võ Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Nguyễn Thị Thanh X được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 18, Quận 4;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương